

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26/6/2019

V/v: Không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Thu Huyền

2. Ông Lương Ngọc Biên

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 127/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2019 về việc “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Trần Văn Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Hoàng Thị L năm 1991, trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Yên Dũng. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu nên anh không còn giữ được Giấy chứng nhận kết hôn, Ủy ban nhân dân xã C cũng không còn lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn từ những năm 1991. Sau khi cưới vợ chồng chung sống, đoàn tụ với nhau ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ khoảng năm 2015, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bản thân anh, chị đã tự dàn xếp với nhau nhiều lần nhưng không có kết quả, từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh, chị đã cắt đứt quan hệ vợ chồng và sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận anh và chị Hoàng Thị L là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 28/6/1992 và Trần Thị O, sinh ngày 31/01/1997. Hiện cả hai con chung đã trưởng thành nên anh không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có vướng mắc gì, do vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Hoàng Thị Lý trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Văn Q năm 1991, trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Yên Dũng. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu nên chị không còn giữ được Giấy chứng nhận kết hôn, Ủy ban nhân dân xã C cũng không còn lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn từ những năm 1991. Sau khi cưới vợ chồng chung sống, đoàn tụ với nhau ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ khoảng năm 2015, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp tính tình, nên trong công việc hàng ngày vợ chồng cứ động làm là cãi nhau, đã nhiều lần anh Quy đánh đập chị. Từ đó, vợ chồng tình cảm ngày càng xa lánh nhau, không quan tâm đến nhau. Bản thân anh, chị đã dàn xếp với nhau nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh, chị đã cắt đứt quan hệ vợ chồng và sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được, chị đồng ý với yêu cầu của anh Q là đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận chị và anh Trần Văn Q là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 28/6/1992 và Trần Thị O, sinh ngày 31/01/1997. Hiện cả hai con chung đã trưởng thành nên chị không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có vướng mắc gì, do vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Văn Q và chị Hoàng Thị L giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Trần Văn Quy và chị Hoàng Thị Lý là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân

huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng luật tố tụng: Anh Trần Văn Q và chị Hoàng Thị L có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã C, huyện Yên Dũng nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Q và chị Hoàng Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Yên Dũng năm 1991. Tuy nhiên, anh chị không còn giữ được Giấy chứng nhận kết hôn, ủy ban nhân dân xã C, huyện Yên Dũng cũng không còn lưu giữ được sổ gốc đăng ký kết hôn từ những năm 1991. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Q đã nhiều lần đánh đập chị L. Bản thân anh, chị đã nhiều lần dàn xếp với nhau nhưng không có kết quả, từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh, chị chấm dứt quan hệ vợ chồng và sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh Q và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân giữa anh Q và chị L không có đăng ký kết hôn. Nay anh Q và chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án tuyên bố không nhận anh Q và chị L là vợ chồng. Do vậy, áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 28/6/1992 và Trần Thị O, sinh ngày 31/01/1997. Hiện cả hai con chung đã trưởng thành nên anh Q và chị L không có yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Anh Q và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Trần Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Trần Văn Q và chị Hoàng Thị L là vợ chồng.

2. Về án phí: Anh Trần Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2016/0002826 ngày 14/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận anh Q đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã C, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Ngọc Oanh